TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 06-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính.

2. Ông Nguyễn Hoàng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị A, cư trú tại: Số nhà X, đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đỗ Thiên V, cư trú tại: Số nhà X, đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đỗ Thiên V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 15-9-2005 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chị chung sống tại số nhà Y, đường N, thành phố Q. Đến năm 2017, vợ chồng chị chuyển về chung sống với cha mẹ chồng tại Số nhà X, đường N, thành phố Q. Sau đó, vợ chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Anh V cờ bạc, chơi cá độ bóng đá thua tiền dẫn đến nợ nần; chị và gia đình đã nhiều lần trả nợ thay cho anh V cũng như khuyên ngăn nhưng anh V vẫn không dứt bỏ. Chị cũng đã cho anh V nhiều lần cơ hội để làm lại nhưng anh V vẫn không thay đổi. Chị đã mất niềm tin vào anh V, tình cảm cũng đã không còn, vợ chồng đã sống ly thân. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V.

Chị và anh V có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Trần Anh K(sinh ngày 30-10-2014) và Nguyễn Đỗ Trần Anh K1 (sinh ngày 05-8-2006), sức khỏe bình thường, đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin được quyền nuôi 02 con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, chị không có mang thai.

Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có nợ tiền ai.

* Bị đơn anh Nguyễn Đỗ Thiên V đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không cung cấp lời khai hay tài liệu, chứng cứ.

* Ý kiến của cháu Nguyễn Đỗ Trần Anh K1: Nếu cha mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng còn bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho ly hôn, giao 02 con chung cho chị A nuôi, ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, buộc chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Đỗ Thiên V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Đỗ Thiên V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q vào ngày 15-9-2005,

không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị A và anh V là hôn nhân hợp pháp.

[4] Lời khai của chị A về nguyên nhân tranh chấp, mâu thuẫn của vợ chồng phù hợp với Biên bản xác minh tại địa phương ngày 25-02-2019 cũng như những lời khai của cha mẹ anh V đã cung cấp cho Tòa. Anh V thường xuyên bài bạc, cá độ bóng đá gây ra quá nhiều nợ nần. Gia đình anh V và chị A đã nhiều lần trả nợ thay cho anh, nhưng anh V vẫn không thay đổi, tiếp tục chơi và gây ra nợ nhiều hơn. Chị A đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V vẫn không dứt bỏ; vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị A và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận cho ly hôn.

[5] Chị A và anh V có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Trần Anh K(sinh ngày 30-10-2014) và Nguyễn Đỗ Trần Anh K1 (sinh ngày 05-8-2006), sức khỏe bình thường, đang ở với mẹ. Chị A yêu cầu được nuôi 02 con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu K1 và điều kiện, hoàn cảnh của các bên. Theo Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận giao 02 con chung cho chị A nuôi và ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị A phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị A và anh Nguyễn Đỗ Thiên V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Đỗ Thiên V có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Trần Anh K(sinh ngày 30-10-2014) và Nguyễn Đỗ Trần Anh K1 (sinh ngày 05-8-2006), hiện tại đang ở với mẹ.

2.2. Giao cháu K và cháu K1 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị A phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000887 ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. N, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Trần Duyên Anh